

Số: 899/BGDĐT-GDĐH

V/v Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2018

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2018

Kính gửi:

- Các đại học, học viện, trường đại học;
- Các trường cao đẳng, trường trung cấp tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên;
- Các sở giáo dục và đào tạo.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi tên và bổ sung, sửa đổi một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy chế tuyển sinh).

Quy chế tuyển sinh quy định về việc tuyển sinh đại học hệ chính quy (ĐH); tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (CĐSP, TCSP). Để thống nhất triển khai thực hiện Quy chế tuyển sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các đại học, học viện, các trường đại học; các trường cao đẳng, trường trung cấp tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên (gọi chung là trường), các sở giáo dục và đào tạo (GDĐT) một số nội dung sau:

I. Tổ chức tuyển sinh

1. Các Sở giáo dục và đào tạo:

a) Sử dụng tài khoản và mật khẩu đã được cấp trong quá trình tổ chức thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia, xét công nhận tốt nghiệp THPT để nhập dữ liệu phục vụ công tác tuyển sinh ĐH, CĐSP, TCSP;

b) Tổ chức thực hiện rà soát, xác định khu vực ưu tiên cho các trường THPT và tương đương tại địa phương theo các quy định hiện hành;

c) Chỉ đạo các đơn vị thu nhận “Phiếu đăng ký dự thi THPT quốc gia và xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp*” (ĐKDT) và “Phiếu điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp*” (ĐKXT) (gọi chung là điểm thu nhận hồ sơ); chuẩn bị đủ cơ sở vật chất, thiết bị và cử cán bộ có năng lực, nắm vững Quy chế thi THPT quốc gia và Quy chế tuyển

sinh đề hướng dẫn, hỗ trợ thí sinh; nhập thông tin Phiếu ĐKDT và Phiếu ĐKXT (Phụ lục 2) vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; đảm bảo quy trình, thời hạn thực hiện công việc theo kế hoạch chung về tuyển sinh quy định tại Phụ lục 1;

d) Hướng dẫn thí sinh sử dụng tài khoản và mật khẩu cá nhân đã được cấp để truy cập vào Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT nhằm kiểm tra thông tin cá nhân và thực hiện điều chỉnh ĐKXT trực tuyến;

đ) Hướng dẫn thí sinh có nhu cầu thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT sau khi có kết quả thi THPT quốc gia. Mỗi thí sinh chỉ được điều chỉnh ĐKXT **01 lần** trong thời gian quy định và chỉ được sử dụng một trong hai phương thức: trực tuyến hoặc bằng Phiếu ĐKXT.

- Điều chỉnh bằng phương thức trực tuyến: thí sinh sử dụng tài khoản và mật khẩu cá nhân đã được cấp để thực hiện việc điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT. Lưu ý thí sinh: phương thức này chỉ chấp nhận khi số lượng nguyện vọng sau khi điều chỉnh không lớn hơn số lượng nguyện vọng đã đăng ký ban đầu trong Phiếu ĐKDT;

- Điều chỉnh bằng Phiếu ĐKXT: thí sinh được điều chỉnh tăng thêm số lượng nguyện vọng so với số lượng nguyện vọng đã đăng ký ban đầu trong Phiếu ĐKDT và phải nộp bổ sung lệ phí cho số nguyện vọng tăng thêm theo quy định. Thí sinh phải điền đầy đủ thông tin vào Phiếu ĐKXT và gửi trực tiếp về điểm thu nhận hồ sơ để cán bộ máy tính cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT. Lưu ý thí sinh ghi đúng mã trường, mã ngành/nhóm ngành, mã tổ hợp xét tuyển theo quy định của trường. Nguyện vọng nào ghi không đúng sẽ không được hệ thống phần mềm chấp nhận và bị loại. Điểm thu nhận hồ sơ phải yêu cầu thí sinh kiểm tra kết quả điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT trong thời gian quy định và đề nghị điều chỉnh sai sót, nếu có.

e) Cập nhật Phiếu ĐKXT của thí sinh và chịu trách nhiệm về thông tin đã cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; trong trường hợp nhập sai thông tin so với Phiếu ĐKXT của thí sinh thì phải điều chỉnh lại khi thí sinh đề nghị và lưu bản đề nghị điều chỉnh sai sót của thí sinh;

g) Chỉ đạo các trường THPT mở các phòng máy tính có nội mạng internet để thí sinh sử dụng thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT trực tuyến.

2. Các trường đại học; cao đẳng, trung cấp đào tạo giáo viên

a) Mỗi trường được gán 01 mã số và cấp một tài khoản (tên truy cập và mật khẩu) để sử dụng trong công tác tuyển sinh ĐH, CĐSP, TCSP;

b) Thực hiện đúng lịch tuyển sinh quy định tại Phụ lục 1 của Hướng dẫn này;

c) Tổ chức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào các ngành học của trường theo quy định tại mục III của Hướng dẫn này;

d) Trong đợt 1, các trường có thủ tục sơ tuyển; các trường tổ chức thi đánh giá năng lực chuyên biệt hoặc có môn thi năng khiếu kết hợp với sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Quy chế tuyển sinh phải hoàn thành việc cập nhật kết quả vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước ngày 14 tháng 7 năm 2018; trong các đợt xét tuyển bổ sung (nếu có) phải hoàn thành việc cập nhật kết quả vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước khi xét tuyển. Các thông tin cập nhật gồm:

- Danh sách các thí sinh đã đạt yêu cầu sơ tuyển;
- Danh sách các thí sinh đã đạt yêu cầu đánh giá năng lực chuyên biệt hoặc đạt yêu cầu môn năng khiếu.

đ) Các trường công khai mức điểm nhận ĐKXT đối với các tổ hợp xét tuyển khác nhau sau khi có kết quả thi THPT quốc gia và các điều kiện khác không trái với Quy chế tuyển sinh.

Mức điểm tối thiểu của từng bài thi/môn thi của tổ hợp dùng để xét tuyển do các trường quy định nhưng không trái với Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT và nêu rõ trong đề án tuyển sinh;

Các trường tuyển sinh ngành đào tạo giáo viên phải công khai mức điểm nhận ĐKXT đối với các tổ hợp xét tuyển khác nhau sau khi có kết quả thi THPT quốc gia và phù hợp với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GDĐT quy định và các điều kiện khác không trái với Quy chế tuyển sinh

e) Trong thời gian thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT các trường không cập nhật, không công bố thông tin thí sinh ĐKXT vào trường;

g) Các trường phải bố trí bộ phận thường trực gồm các cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm trong công tác tuyển sinh, nắm vững quy chế để giải đáp các thắc mắc liên quan đến công tác xét tuyển của trường và chế độ ưu tiên trong tuyển sinh;

h) Tạo điều kiện hỗ trợ thí sinh được sử dụng các phòng máy tính nối mạng internet của trường để thực hiện việc điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng phương thức trực tuyến (nếu thí sinh có nhu cầu).

II. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Các văn bản quy định về chế độ ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm b khoản 4 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh, gồm:

Các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013, Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 và Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; Quyết định 73/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi. Quyết định này thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định 447/QĐ-UBND; Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015 được quy định tại Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang, Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận, Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015 được quy định tại Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 được quy định tại Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015; Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015; Quyết định 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016; Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016; Quyết định

900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 về việc công nhận xã an toàn khu tại tỉnh Ninh Bình, Quyết định 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Lạng Sơn.

2. Ưu tiên khu vực đối với thí sinh học tại các trường THPT và tương đương có sự thay đổi chế độ ưu tiên

Đối với các trường THPT do thay đổi địa giới hành chính, chuyển địa điểm hoặc thay đổi cấp hành chính, chính sách dẫn đến thay đổi mức ưu tiên khu vực thì mỗi giai đoạn hưởng mức ưu tiên khác nhau, trường sẽ được gán một mã trường khác nhau cùng với một mức ưu tiên khu vực phù hợp. Thí sinh căn cứ thời gian học tập tại trường THPT chọn và điền đúng mã trường theo các giai đoạn để được hưởng đúng mức ưu tiên theo khu vực (Ví dụ: Trường THPT Nguyễn Đình Liễn từ năm 2013 về trước đóng trên địa bàn Xã Cẩm Huy, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV2-NT, từ năm 2014 Trường chuyển đến địa bàn Xã Cẩm Dương, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV1. Vậy Trường này sẽ được gán 2 mã khác nhau: Mã 068 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2013 về trước; Mã 053 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2014 đến nay. Nếu thí sinh học tại Trường này từ năm 2013 đến năm 2015, lớp 10 sẽ khai mã trường là 068, lớp 11 và lớp 12 khai mã trường là 053).

3. Hồ sơ để được hưởng ưu tiên theo đối tượng

- Bản photocopy Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên;
- Đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số, giấy chứng nhận để hưởng đối tượng ưu tiên 01 là Bản photocopy giấy khai sinh trên đó ghi rõ dân tộc thuộc dân tộc thiểu số và hộ khẩu thường trú hoặc giấy tờ hợp pháp minh chứng thí sinh có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của Kỳ thi THPT Quốc gia) tại Khu vực 1 trong thời gian học THPT.
- Đối với thí sinh thuộc đối tượng người có công với cách mạng hoặc con của người có công với cách mạng, giấy chứng nhận để hưởng ưu tiên là Bản photocopy Quyết định trợ cấp, phụ cấp đối với người có công của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội. Thí sinh xuất trình bản chính của các giấy tờ nói trên để các trường đối chiếu khi làm thủ tục nhập học.

4. Xác định mức điểm ưu tiên:

Mức điểm ưu tiên xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh được tính theo thang điểm 10 trên tổng điểm tối đa của 3 bài thi/môn thi trong tổ hợp xét tuyển là 30. Nếu trường xét tuyển với thang điểm khác với thang điểm này (ví dụ trường nhân hệ số môn chính trong tổ hợp xét tuyển) thì phải quy đổi mức điểm ưu tiên tương ứng với thang điểm mới và công bố trong Đề án tuyển sinh trước khi thí sinh đăng ký dự thi.

III. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

1. Các ngành xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

a) Đối với thí sinh đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:

- Danh mục các ngành đúng hoặc ngành gần với môn thi học sinh giỏi (HSG) quốc gia được xác định tại Phụ lục 6, Phụ lục 7. Các trường có thể bổ sung thêm các ngành đúng và ngành gần đối với từng môn thi HSG quốc gia phù hợp với yêu cầu đầu vào các ngành đào tạo của trường, nhưng phải công bố trong Đề án tuyển sinh;

- Nếu không tiếp tục xét tuyển thẳng vào một số ngành đúng hoặc ngành gần với môn thi HSG quốc gia, các trường phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của trường và phương tiện thông tin đại chúng khác ít nhất 3 năm trước khi áp dụng.

b) Đối với thí sinh đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia

Căn cứ vào kết quả dự án, đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật của thí sinh đoạt giải và danh mục các ngành đúng, ngành gần quy định tại Phụ lục 6, Phụ lục 7, các trường ĐH, CĐ, TC xét tuyển thẳng vào ngành học phù hợp với kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đoạt giải.

c) Đối với thí sinh đạt giải kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế:

Căn cứ Đề án tuyển sinh đã công bố về chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi ngành nghề, chương trình định hướng đào tạo các trường xét tuyển đối với thí sinh đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của pháp luật.

d) Các trường công bố công khai chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi ngành nghề, chương trình định hướng đào tạo để xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển trong Đề án tuyển sinh của trường.

2. Tổ chức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

a) Nguyên tắc: xét tuyển vào ngành đứng trước, sau đó xét tuyển vào ngành gần;

b) Tiêu chí, quy trình xét và xếp ngành học xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của trường phải được công bố trong Đề án tuyển sinh; thực hiện theo lịch tuyển sinh được quy định tại Phụ lục 1;

c) Thí sinh phải tìm hiểu kỹ thông tin về điều kiện, hồ sơ và nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định chung của Bộ GDĐT; theo hướng dẫn chi tiết của từng trường và nộp hồ sơ về Sở GDĐT trong thời gian quy định.

3. Đăng ký xét tuyển thẳng

a) Thí sinh phải nộp hồ sơ ĐKXT thẳng tại sở GDĐT trước ngày 20/5/2018:

- Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, l khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục 3);

+ Ít nhất một trong các bản photocopy sau: chứng nhận là thành viên tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế hoặc chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GDĐT); Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật; Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác;

+ Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

- Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại điểm i, khoản 2, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục 4);

+ Bản photocopy học bạ 3 năm học THPT;

+ Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;

+ Bản photocopy hộ khẩu thường trú.

b) Sau khi có thông báo trúng tuyển của trường, thí sinh phải nộp bản chính giấy chứng nhận đoạt giải để xác nhận nhập học trong thời gian quy định (thời gian tính theo dấu bưu điện nếu nộp qua bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh).

4. Đăng ký ưu tiên xét tuyển

Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh nếu không sử dụng quyền xét tuyển thẳng thì phải ĐKDT theo quy định và phải nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển tại sở GDĐT trước ngày 20/5/2018. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

a) Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (Phụ lục 5);

b) Ít nhất một trong các bản photocopy sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, quốc tế; Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật, Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế.

5. Trách nhiệm của các sở GDĐT:

a) Hướng dẫn các trường THPT có thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển khai phiếu theo quy định;

b) Trước ngày 01/6/2018, gửi hồ sơ xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển kèm theo danh sách (Phụ lục 8, Phụ lục 9, Phụ lục 10, Phụ lục 11) cho các trường có thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

6. Trách nhiệm của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp:

a) Căn cứ quy định của Quy chế tuyển sinh, và danh mục ngành đào tạo được xét tuyển thẳng theo quy định tại Phụ lục 6, Phụ lục 7 của Hướng dẫn này, các trường quy định cụ thể ngành thí sinh được xét tuyển thẳng tương ứng với loại giải và môn thi của thí sinh đoạt giải; quy định cụ thể về ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng; quy trình xét xếp ngành học xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của trường, công bố công khai trong đề án tuyển sinh trước ngày thí sinh đăng ký dự thi THPT quốc gia;

b) Trước 17 giờ 00 ngày 18/7/2018 các trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Công thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các sở GDĐT để thông báo cho thí sinh;

c) Tổ chức xét tuyển cho những thí sinh thuộc diện ưu tiên xét tuyển đã đăng ký vào trường theo lịch tuyển sinh;

d) Báo cáo kết quả xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển về Bộ GDĐT (Vụ Giáo dục Đại học) trước ngày 24/7/2018.

Bộ GDĐT yêu cầu các trường, các sở GDĐT quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung hướng dẫn trên đây.

Bộ GDĐT sẽ tổ chức kiểm tra các trường có dấu hiệu vi phạm Quy chế tuyển sinh, vi phạm trong thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh và xử lý theo các quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo kịp thời về Bộ GDĐT (Vụ Giáo dục Đại học) theo điện thoại số: 04.38692392; địa chỉ Email: nmhung@moet.gov.vn để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp);
- UBVHGD TNTNNĐ của QH (để b/c);
- VP Chính phủ (để b/c);
- Ban Tuyên giáo TW (để b/c);
- Các bộ, ngành (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố (để phối hợp);
- Các Cục, Vụ, Viện, TTr. (để thực hiện);
- Lưu : VP, Vụ GDĐH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Văn Phúc

Phụ lục 1

**LỊCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY;
TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, TUYỂN SINH TRUNG CẤP NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO
GIÁO VIÊN HỆ CHÍNH QUY NĂM 2018**

(Kèm theo Công văn số: 899 /BGDDT-GDDH ngày 9/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| TT | Nội dung công tác | Đơn vị chủ trì | Đơn vị tham gia | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|------------------------------|--|----------------------------|
| 1 | Ban hành Quy chế tuyển sinh | Bộ GDĐT | Sở GDĐT, trường ĐH, CĐSP, TCSP | Trước 10/03 |
| 2 | Các trường ĐH, CĐ, TC nhận tài khoản để cập nhật thông tin tuyển sinh của trường lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Vụ GDĐH Cục CNTT | Trước ngày 15/3 |
| 3 | Các trường ĐH, CĐ, TC công bố Đề án tuyển sinh năm 2018 và cập nhật thông tin tuyển sinh của trường lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Vụ GDĐH Cục CNTT | Trước ngày 20/3 |
| 4 | Tập huấn quy chế tuyển sinh ĐH, CĐSP, TCSP | Vụ GDĐH | Cục QLCL, Lãnh đạo và cán bộ tuyển sinh các Sở GDĐT; Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Trước ngày 31/3 |
| 5 | Tập huấn công tác tuyển sinh ĐH, CĐSP, TCSP | Sở GDĐT | Điểm thu nhận hồ sơ | Trước ngày 31/3 |
| 6 | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi của thí sinh; nhập thông tin ĐKDT, ĐKXT đợt 1 của thí sinh vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT | Sở GDĐT, Điểm thu nhận hồ sơ | Các đối tượng dự thi THPT | Từ 1/4 đến 20/4 |
| 7 | Các trường ĐH, CĐSP, TCSP tải dữ liệu thí sinh ĐKXT từ Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để tham khảo | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Vụ GDĐH Cục CNTT | Từ 10/5 đến 31/5 |
| 8 | Thí sinh gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về sở GDĐT | Thí sinh | Sở GDĐT | Trước ngày 20/5 |
| 9 | Sở GDĐT gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đến các trường ĐH, CĐSP, TCSP | Sở GDĐT | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Trước ngày 01/6 |

| TT | Nội dung công tác | Đơn vị chủ trì | Đơn vị tham gia | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|-------------------------------|--|---|
| 10 | Các trường ĐH, CĐSP, TCSP tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các sở GDĐT để thông báo cho thí sinh | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Thí sinh Sở GDĐT | Trước 17 giờ 00 ngày 18/7 |
| 11 | Thí sinh trúng tuyển thẳng gửi Hồ sơ và xác nhận nhập học tại các trường | Thí sinh | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Trước ngày 23/7 |
| 12 | Các trường báo cáo kết quả xét tuyển thẳng | Trường ĐH, CĐ, TC | Vụ GDĐH | Trước 17 giờ 00 ngày 24/7 |
| 13 | Các trường cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT kết quả sơ tuyển, kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt, kết quả thi các môn năng khiếu (nếu có) | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Vụ GDĐH Cục CNTT | Trước ngày 14/7 đối với xét tuyển đợt 1 và trước các đợt xét tuyển bổ sung do trường quy định |
| 14 | Bộ GDĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khối ngành đào tạo giáo viên | Vụ GDĐH | Cục QLCL, Vụ GDTH, Vụ GDTX, Thanh tra, Vụ Pháp chế, Cục nhà giáo và QLCBGD Các trường ĐH, CĐSP, TCSP | Trước ngày 18/7 |
| 15 | Các trường ĐH, CĐSP, TCSP điều chỉnh, công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và trang thông tin điện tử của trường | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Vụ GDĐH | Trước ngày 19/7 |
| 16 | Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT theo phương thức trực tuyến | Thí sinh, Điểm thu nhận hồ sơ | Vụ GDĐH Cục CNTT Sở GDĐT | Từ 19/7 đến 17 giờ 00 ngày 26/7 |

| TT | Nội dung công tác | Đơn vị chủ trì | Đơn vị tham gia | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|-----------------------------------|--|--|
| 17 | Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng Phiếu ĐKXT | Thí sinh, Điểm thu nhận hồ sơ | Vụ GDĐH Cục CNTT Sở GDĐT | Từ 19/7 đến 17 giờ 00 ngày 28/7 |
| 18 | Thí sinh kiểm tra kết quả điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT và đề nghị điều chỉnh sai sót nếu có (chỉ áp dụng đối với thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng phiếu) | Thí sinh | Điểm thu nhận hồ sơ | Trước 17 giờ 00 ngày 30/7 |
| 19 | Điểm thu nhận hồ sơ hoàn thành việc cập nhật thông tin về điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT của tất cả thí sinh vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT | Sở GDĐT, Điểm thu nhận hồ sơ | Thí sinh | Trước 17 giờ 00 ngày 31/7 |
| 20 | Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1 theo Quy chế tuyển sinh | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL Vụ GDTH, Vụ GDTX | Từ 3/8 đến 17 giờ 00 ngày 5/8 |
| 21 | Các trường ĐH, CĐSP, TCSP công bố kết quả trúng tuyển đợt 1 | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Thí sinh Vụ GDĐH | Trước 17 giờ 00 ngày 6/8 |
| 22 | Thí sinh xác nhận nhập học đợt 1 | Thí sinh Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Vụ GDĐH | Trước 17 giờ 00 ngày 12/8 (tính theo dấu bưu điện) |
| 23 | Các trường ĐH, CĐSP, TCSP cập nhật thông tin thí sinh xác nhận nhập học vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | | Trước 17 giờ 00 ngày 16/8 |
| 24 | Các trường ĐH, CĐSP, TCSP xét tuyển bổ sung (các trường chủ động công bố lịch tuyển sinh bổ sung trước 10 ngày so với ngày xét tuyển) | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Vụ GDĐH Cục CNTT Cục QLCL Vụ GDTH | Từ ngày 22/8 |
| 25 | Các trường ĐH, CĐSP, TCSP xét tuyển bổ sung và cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học theo quy định (đ khoản 1 Điều 13) | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Vụ GDĐH Cục CNTT Cục QLCL Vụ GDTH | Từ tháng 3 đến 12/2018 |

| TT | Nội dung công tác | Đơn vị chủ trì | Đơn vị tham gia | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|-----------------------|------------------------|----------------------------|
| 26 | Các trường ĐH, CĐSP, TCSP báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2018 | Trường ĐH, CĐSP, TCSP | Vụ GDĐH | Trước ngày 31/12/2018 |

Phụ lục 2.

**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP (gồm 2 mẫu phiếu)**

(Kèm theo công văn số: 899 /BGDDĐT-GDDH ngày 09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GDĐT.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MÃ SỐ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU SỐ 1
(Nơi tiếp nhận lưu)

SỐ PHIẾU:

**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)
- Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**
(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu) ngày tháng năm
- Số CMND/Căn cước CD** (hồ sơ đăng ký dự thi)
- Số báo danh** (trong Kỳ thi THPT Quốc gia)
- Số điện thoại** (hồ sơ đăng ký dự thi).....
- Địa chỉ Email:**

B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP

- Đề nghị điều chỉnh** *Khu vực ưu tiên* *Đối tượng ưu tiên*
chế độ ưu tiên: *tuyển sinh:* *tuyển sinh:*
- Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh** (Thí sinh phải ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng từ cột (1) đến cột (5))

| Thứ tự NV ưu tiên (1) | Mã trường (chữ in hoa) (2) | Mã ngành/Nhóm ngành (3) | Tên ngành /Nhóm ngành (4) | Mã tổ hợp môn xét tuyển (5) | Nội dung thay đổi (6) |
|-----------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| 5 | | | | | |
| 6 | | | | | |
| 7 | | | | | |
| 8 | | | | | |
| 9 | | | | | |
| ... | | | | | |
| ... | | | | | |

Tổng số nguyện vọng:

....., ngày tháng năm 201..

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

SỞ GDĐT.....
MÃ SỐ:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU SỐ 2
(Thí sinh lưu)

SỐ PHIẾU:

**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

ngày tháng năm

3. Số CMND/Căn cước CD (hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Số báo danh (trong Kỳ thi THPT Quốc gia)

5. Số điện thoại (hồ sơ đăng ký dự thi).....

6. Địa chỉ Email:

B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP

7. Đề nghị điều chỉnh Khu vực ưu tiên Đối tượng ưu tiên
chế độ ưu tiên: tuyển sinh: tuyển sinh:

8. Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh (Thí sinh phải ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng từ cột (1) đến cột (5))

| Thứ tự NV ưu tiên (1) | Mã trường (chữ in hoa) (2) | Mã ngành/Nhóm ngành (3) | Tên ngành/Nhóm ngành (4) | Mã tổ hợp môn xét tuyển (5) | Nội dung thay đổi (6) |
|-----------------------|----------------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| 5 | | | | | |
| 6 | | | | | |
| 7 | | | | | |
| 8 | | | | | |
| 9 | | | | | |
| ... | | | | | |
| ... | | | | | |

Tổng số nguyện vọng:

NOI NHẬN PHIẾU
(Đại diện ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 201
NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN VÀO PHIẾU ĐIỀU CHỈNH
NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP**

1. Thông tin điều chỉnh ĐKXT được khai trên 02 phiếu (Phiếu số 1 Nơi tiếp nhận lưu, Phiếu số 2 Thí sinh lưu).

2. Phần **THÔNG TIN CÁ NHÂN**: Cần ghi chính xác và thống nhất với thông tin trong Phiếu đăng ký dự thi THPT quốc gia và xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp.

3. Mục "Đề nghị điều chỉnh chế độ ưu tiên": Nếu thí sinh có sửa "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" hoặc "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" thì đánh dấu X vào ô tương ứng (*trong mục "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các mã KV1, KV2-NT, KV2 hoặc KV3 tương ứng với khu vực ưu tiên của thí sinh được hưởng; trong mục "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các ký hiệu từ 01 đến 07 tương ứng với đối tượng ưu tiên của thí sinh được hưởng. Nếu không thuộc đối tượng ưu tiên thì để trống*).

4. Bảng "**Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh**":

Bước 1: Thí sinh ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng mới từ cột (1) đến cột (5);

Bước 2: So sánh bảng mới với bảng cũ (đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi) để ghi "Nội dung thay đổi" vào cột (6) như sau:

- Nếu không thay đổi thứ tự NV ưu tiên và các nội dung đã đăng ký thì thí sinh ghi số **0** tại cột (6) cùng hàng;

- Nếu chỉ thay đổi thứ tự NV ưu tiên và giữ nguyên các nội dung khác đã đăng ký thì thí sinh ghi số thứ tự NV ưu tiên cũ tại cột (6) cùng hàng;

- Những thay đổi khác thì ghi **TĐ** tại cột 6 cùng hàng.

Ví dụ:

Bảng danh sách nguyện vọng cũ đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi (**bảng cũ**)

| Thứ tự NV ưu tiên | Mã trường (chữ in hoa) | Mã ngành/ Nhóm ngành | Tên ngành/Nhóm ngành | Mã tổ hợp môn xét tuyển |
|-------------------|------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------|
| 1 | BVH | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 |
| 2 | QHI | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 |
| 3 | BKA | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 |
| 4 | VHD | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 |
| | | | | |

Bảng nội dung điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển (**bảng mới**)

| Thứ tự NV ưu tiên (1) | Mã trường (chữ in hoa) (2) | Mã ngành/ Nhóm ngành (3) | Tên ngành/Nhóm ngành (4) | Mã tổ hợp môn xét tuyển (5) | Nội dung thay đổi (6) |
|-----------------------|----------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 1 | QHI | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 | 2 |
| 2 | BKA | 7510201 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | A01 | TĐ |
| 3 | KHA | 7340101 | Quản trị kinh doanh | D01 | TĐ |
| 4 | VHD | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 | 0 |
| | | | | | |

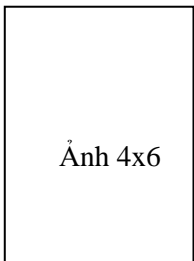
Trong ví dụ trên:

- Nguyện vọng 1 của bảng mới trùng với nguyện vọng 2 của bảng cũ: Điền số **2** (số thứ tự NV ưu tiên cũ) vào cột 6, hàng 1;
- Nguyện vọng 2 của bảng mới thay đổi so với bảng cũ: Điền **TĐ** vào cột 6, hàng 2;
- Nguyện vọng 4 của bảng mới không thay đổi so với bảng cũ: Điền số **0** vào cột 6, hàng 4.

Phụ lục 3
PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẮNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018
(Kèm theo công văn số: 899/BGDĐT-GDDH ngày 09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẮNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)



- 1. Họ và tên thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
 (nữ ghi 1, nam ghi 0) **Giới**
- 2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:**
(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)
ngày *tháng* *năm*
- 3. Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi)
- 4. Điện thoại** (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**
- 5. Nơi sinh** (tỉnh, thành phố):
- 6. Năm tốt nghiệp THPT**
- 7. Năm đoạt giải:**.....
- 8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương**

Môn đoạt giải *Loại giải, loại huy chương*
- 9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 201.. môn:**
- 10. Đăng ký xét tuyển thẳng vào trường/ngành học:**

| Số TT | Mã trường (chữ in hoa) | Mã ngành/Nhóm ngành | Tên ngành/Nhóm ngành |
|-------|---------------------------|---------------------|----------------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| 4 | | | |
| 5 | | | |
| ... | | | |
| ... | | | |
| ... | | | |
| ... | | | |
| ... | | | |

11. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trườngđã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 201

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 201

Chữ ký của thí sinh

Phụ lục 4

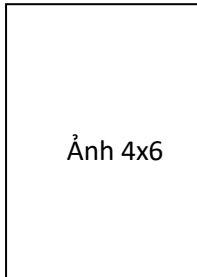
**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018**

(Kèm theo công văn số:899/BGDĐT-GDDH ngày 09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..**

(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại
điểm i, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)



1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

| | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

ngày tháng năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

| | | | | | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**.....

5. Hộ khẩu thường trú (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh).....

6. Dân tộc:

7. Nơi học THPT hoặc tương đương:

- Năm lớp 10:

- Năm lớp 11:

- Năm lớp 12:

8. Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Học lực: Năm lớp 10:; Năm lớp 11:; Năm lớp 12:

10. Đăng ký xét tuyển thăng vào trường/ngành học:

| Số TT | Mã trường (chữ in hoa) | Mã ngành/Nhóm ngành | Tên ngành/Nhóm ngành |
|-------|---------------------------|---------------------|----------------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| 4 | | | |
| 5 | | | |
| ... | | | |
| ... | | | |
| ... | | | |
| ... | | | |

11. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường.....

Ngày tháng năm 201

Chữ ký của thí sinh

đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 201..

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

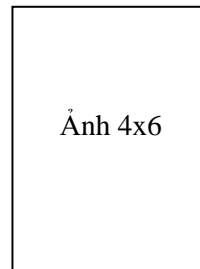
Phụ lục 5
PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018
(Kèm theo công văn số: 899/BGDĐT-GDDH ngày 9/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..



1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

5. Nơi sinh (ghi tỉnh, thành phố).

6. Môn đoạt giải: **Loại giải, huy chương:**

7. Năm đoạt giải:

8. Năm tốt nghiệp THPT:

9. Đăng ký ưu tiên xét tuyển (như hồ sơ đăng ký dự thi):

| Số TT | Mã trường (chữ in hoa) | Mã ngành/Nhóm ngành | Tên ngành/Nhóm ngành |
|-------|---------------------------|---------------------|----------------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| 4 | | | |
| 5 | | | |
| ... | | | |
| ... | | | |
| ... | | | |
| ... | | | |

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
 12 trường đã khai
 đúng sự thật.

Ngày tháng năm 201

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 201..

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 6

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

THÍ SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI

(Kèm theo công văn số: 899/BGDĐT-GDĐH ngày 9/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| Số TT | Tên môn thi học sinh giỏi | Tên ngành đào tạo | Mã ngành |
|--------------|----------------------------------|----------------------------------|-----------------|
| 1 | Toán | Su phạm Toán học (*) | 7140209 |
| | | Toán học (*) | 7460101 |
| | | Toán ứng dụng (*) | 7460112 |
| | | Toán cơ (*) | 7460115 |
| | | Thống kê | 7460201 |
| 2 | Vật lí | Su phạm Vật lí (*) | 7140211 |
| | | Vật lí học (*) | 7440102 |
| | | Thiên văn học | 7440101 |
| | | Vật lí kỹ thuật (*) | 7520401 |
| | | Vật lý nguyên tử và hạt nhân (*) | 7440106 |
| 3 | Hóa học | Su phạm Hóa học (*) | 7140212 |
| | | Hóa học (*) | 7440112 |
| | | Công nghệ kỹ thuật Hóa học (*) | 7510401 |
| | | Công nghệ thực phẩm | 7540101 |
| | | Kỹ thuật Hóa học (*) | 7520301 |
| | | Dược học | 7720201 |
| | | Khoa học môi trường | 7440301 |
| 4 | Sinh học | Su phạm Sinh học (*) | 7140213 |
| | | Su phạm kỹ thuật nông nghiệp | 7140215 |
| | | Sinh học (*) | 7420101 |
| | | Công nghệ sinh học (*) | 7420201 |
| | | Kỹ thuật sinh học (*) | 7420202 |
| | | Sinh học ứng dụng (*) | 7420203 |
| | | Y khoa | 7720101 |
| | | Y học cổ truyền | 7720115 |
| | | Răng hàm mắt | 7720501 |
| | | Y học dự phòng | 7720110 |
| | | Điều dưỡng | 7720301 |
| | | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 7720601 |
| | | Kỹ thuật hình ảnh y học | 7720602 |
| | | Kỹ thuật phục hồi chức năng | 7720603 |
| | | Y tế công cộng | 7720701 |
| | | Dinh dưỡng | 7720401 |
| | | Kỹ thuật phục hình răng | 7720502 |
| | | Khoa học môi trường | 7440301 |
| | | Khoa học cây trồng | 7620110 |
| Chăn nuôi | 7620105 | | |

| | | | |
|--------------|-----------|---|--------------|
| | | Lâm nghiệp | Chia 4 ngành |
| | | Lâm học | 7620201 |
| | | Lâm nghiệp đô thị | 7620202 |
| | | Lâm sinh | 7620205 |
| | | Quản lý tài nguyên rừng | 7620211 |
| | | Nuôi trồng thủy sản | 7620301 |
| 5 | Ngữ văn | Sư phạm Ngữ văn (*) | 7140217 |
| | | Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam | 7220101 |
| | | Sáng tác văn học (*) | 7220110 |
| | | Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam | 7220112 |
| | | Việt Nam học | 7310630 |
| | | Văn học (*) | 7229030 |
| | | Văn hóa học | 7229040 |
| | | Báo chí (*) | 7320101 |
| | | Ngôn ngữ học (*) | 7229020 |
| | | Thông tin - thư viện | 7320201 |
| | | Quản lý thông tin | 7320205 |
| | | 6 | Lịch sử |
| Lịch sử (*) | 7229010 | | |
| Bảo tàng học | 7320305 | | |
| Nhân học | 7310302 | | |
| Lưu trữ học | 7320303 | | |
| 7 | Địa lí | Sư phạm Địa lí (*) | 7140219 |
| | | Địa lí học (*) | 7310501 |
| | | Bản đồ học | 7440212 |
| | | Địa chất học | 7440201 |
| | | Địa lý tự nhiên kỹ thuật (*) | 7440217 |
| | | Thủy văn học | 7440224 |
| | | Quốc tế học | 7310601 |
| | | Đông phương học | 7310608 |
| | | Hải dương học | 7440228 |
| 8 | Tin học | Sư phạm Tin học (*) | 7140210 |
| | | Khoa học máy tính (*) | 7480101 |
| | | Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (*) | 7480102 |
| | | Kỹ thuật phần mềm (*) | 7480103 |
| | | Hệ thống thông tin (*) | 7480104 |
| | | Công nghệ thông tin (*) | 7480201 |
| | | Công nghệ kỹ thuật máy tính (*) | 7480108 |
| 9 | Tiếng Anh | Sư phạm Tiếng Anh (*) | 7140231 |
| | | Ngôn ngữ Anh (*) | 7220201 |
| | | Quốc tế học | 7310601 |
| | | Đông phương học | 7310608 |
| | | Ngôn ngữ học | 7229020 |
| 10 | Tiếng Nga | Sư phạm Tiếng Nga (*) | 7140232 |
| | | Ngôn ngữ Nga (*) | 7220202 |
| | | Quốc tế học | 7310601 |
| | | Đông phương học | 7310608 |

| | | | |
|----|------------------|------------------------------|---------|
| | | Ngôn ngữ học | 7229020 |
| 11 | Tiếng Trung Quốc | Su phạm tiếng Trung Quốc (*) | 7140234 |
| | | Trung Quốc học (*) | 7310612 |
| | | Ngôn ngữ Trung Quốc (*) | 7220204 |
| | | Hán nôm | 7220104 |
| | | Quốc tế học | 7310601 |
| | | Đông phương học | 7310608 |
| | | Ngôn ngữ học | 7229020 |
| | | | |
| 12 | Tiếng Pháp | Su phạm Tiếng Pháp (*) | 7140233 |
| | | Ngôn ngữ Pháp (*) | 7220203 |
| | | Quốc tế học | 7310601 |
| | | Đông phương học | 7310608 |
| | | Ngôn ngữ học | 7229020 |

Ghi chú: - Những ngành có đánh dấu (*) là ngành đúng;
- Các ngành còn lại là ngành gần.

Phụ lục 7

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG,
HỌC SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI**

(Kèm theo công văn số: 899/BGDĐT-GDDH ngày 09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| Số TT | Tên môn thi học sinh giỏi | Tên ngành đào tạo | Mã ngành |
|-------|---------------------------|------------------------------|----------|
| 1 | Toán | Sư phạm Toán học (*) | 51140209 |
| 2 | Vật lí | Sư phạm Vật lí (*) | 51140211 |
| 3 | Hóa học | Sư phạm Hóa học (*) | 51140212 |
| 4 | Sinh học | Sư phạm Sinh học (*) | 51140213 |
| | | Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp | 51140215 |
| 5 | Ngữ văn | Sư phạm Ngữ văn (*) | 51140217 |
| 6 | Lịch sử | Sư phạm Lịch sử (*) | 51140218 |
| 7 | Địa lí | Sư phạm Địa lí (*) | 51140219 |
| 8 | Tin học | Sư phạm Tin học (*) | 51140210 |
| 9 | Tiếng Anh | Sư phạm Tiếng Anh (*) | 51140231 |

Ghi chú: - Những ngành có đánh dấu (*) là ngành đúng;
- Các ngành còn lại là ngành gần.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
HỌC SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI**

(Kèm theo công văn số: 899 /BGDĐT-GDDH ngày 09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| Số TT | Tên môn thi học sinh giỏi | Tên ngành đào tạo | Mã ngành |
|-------|--|--------------------------|----------|
| 1 | Các trường lựa chọn môn thi HSG quốc gia phù hợp với yêu cầu đầu vào các ngành đào tạo của trường và phải công bố trong Đề án tuyển sinh | Sư phạm mầm non | 42140201 |
| 2 | | Sư phạm tiểu học | 42140202 |
| 3 | | Sư phạm chuyên biệt | 42140203 |
| 5 | | Sư phạm mỹ thuật | 42140204 |
| 6 | | Sư phạm âm nhạc | 42140205 |
| 7 | | Sư phạm thể dục thể thao | 42140206 |

Phụ lục 8

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI QUỐC GIA, QUỐC TẾ ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018

(Kèm theo công văn số: 899/BGDĐT-GDDH ngày 09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA DỰ THI OLYMPIC QUỐC TẾ NĂM 201..
VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..

| Số TT | Họ và Tên | Số CMND | Giới tính | Ngày sinh | Năm tốt nghiệp THPT | Đăng ký xét tuyển thắng | | Năm đoạt giải | Môn đoạt giải | Loại giải, huy chương | Tham dự kì thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic Quốc tế môn | Ghi chú |
|-------|--------------|---------|-----------|-----------|---------------------|-------------------------|----------|---------------|---------------|-----------------------|---|---------|
| | | | | | | Ký hiệu trường | Mã ngành | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| 01 | Nguyễn Văn A | | X | | 2018 | BKA | | | Toán học | HC vàng | Toán | |
| | | | | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 9

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018
(Kèm theo công văn số: 899/BGDĐT-GDDH ngày 09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..

| Số TT | Họ và Tên | Số CMND | Giới tính | Ngày sinh | Năm tốt nghiệp THPT | Đăng ký xét tuyển thăng | | Năm đoạt giải | Lĩnh vực đoạt giải | Loại giải, huy chương | Tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật Quốc tế lĩnh vực | Ghi chú |
|-------|---------------|---------|-----------|-----------|---------------------|-------------------------|----------|---------------|---------------------|-----------------------|---|---------|
| | | | | | | Ký hiệu trường | Mã ngành | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| 01 | Nguyễn Văn X. | | X | | 2018 | BKA | | | Khoa học môi trường | HC vàng | Toán | |
| | | | | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 10

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018
(Kèm theo công văn số: 899/BGDĐT-GDDH ngày 09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201.. (30a)

| Số TT | Họ và Tên | Số CMND | Giới tính | Ngày sinh | Hộ khẩu thường trú | Năm tốt nghiệp THPT | Đăng ký xét tuyển thặng | | Mã tỉnh và mã trường nơi học THPT hoặc tương đương | | | Học lực | | | Ghi chú |
|-------|-------------|---------|-----------|-----------|--------------------|---------------------|-------------------------|----------|--|--------|--------|---------|--------|--------|---------|
| | | | | | | | Ký hiệu trường | Mã ngành | Lớp 10 | Lớp 11 | Lớp 12 | Lớp 10 | Lớp 11 | Lớp 12 | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| 01 | Trần Thị T. | | X | | | 2018 | XDA | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Danh sách này gửi về trường thí sinh đăng ký xét tuyển.
- Danh sách này lập đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ và 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam bộ.

Phụ lục 11

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..

(Kèm theo công văn số:899/BGDĐT-GDDH ngày 09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..

| Số TT | Họ và Tên | Số CMND | Giới tính | Ngày sinh | Năm tốt nghiệp THPT | Đăng ký ưu tiên xét tuyển | | Năm đoạt giải | Môn đoạt giải | Loại giải, huy chương | Ghi chú |
|-------|---------------|---------|-----------|-----------|---------------------|---------------------------|----------|---------------|---------------|-----------------------|---------|
| | | | | | | Ký hiệu trường | Mã ngành | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 01 | Nguyễn Văn X. | X | | | 2018 | BKA | | | Toán | HC vàng | |
| | | | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)